TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2025/HC-PT
Ngày: 10/9/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường và bà Võ Thị Ngọc Dung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265B/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị D. Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn S, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Văn Đức M - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Minh G – Chủ tịch UBND Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thanh V - Phó Chủ tịch U, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trọng Hòa A - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn V1. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông (nay là thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng*)*. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng*)*. Có mặt.

2. Ông Hà Văn L, ông Hà Văn Đ, bà Hà Thị Quỳnh N1, bà Hà Thị Quỳnh O. Cùng địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn S, xã K, tỉnh Đắk Lắk*)*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông Đ, bà N1, bà O: Bà Lê Thị D (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2025; ngày 13/01/2025; ngày 20/01/2025).

3. Ông Bùi Công K. Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn S, xã K, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Hà Thị P. Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn X, xã Q, tỉnh Lâm Đồng*)*. Vắng mặt.

5. Ông Hà Văn C1. Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn S, xã K, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà** Lê Thị D **trình bày:***

Bà là vợ ông Hà Văn P1 (sinh năm 1968, đã chết năm 2012); ông Hà Văn P1 là con đẻ của ông Hà Văn C2 (đã chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị M1 (đã chết năm 1984). Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2, tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc được nhà nước giao cho gia đình ông C2 vào năm 1976 để làm nhà ở, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà cùng với bố, mẹ chồng, cư trú trên

thửa đất này và được ông C2, bà M1 giao cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng thửa đất này.

Sau khi bố, mẹ chồng bà chết, không để lại di chúc và để lại di sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 227, vợ chồng bà cùng với các con là Hà Văn Đ, Hà Thị Quỳnh N1, Hà Thị Quỳnh O vẫn tiếp tục cư trú trên thửa đất này. Ông Hà Văn L và ông Hà Văn V1 là con của ông C2, bà M1 cũng không phản đối gia đình bà sử dụng thửa đất số 227. Năm 1988, gia đình ông V1 chuyển đến thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông cư trú cho đến nay.

Qua tìm hiểu bà được biết, năm 1995 ông V1 tự ý kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227 và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937 cho ông V1 vào ngày 08/6/1995. Sau đó, ông V1 tách thửa số 227 thành 02 thửa là thửa đất 311 với diện tích 633m^2 và thửa đất số 227 với diện tích 567m^2; ông V1 chuyển nhượng cho ông Bùi Công K thửa đất số 311. Thời gian ông V1 chuyển nhượng thửa đất số 311 cho ông K, gia đình bà không biết. Đối với thửa đất số 227 với diện tích 567m^2, gia đình bà đang quản lý sử dụng nhưng ông V1 làm thủ tục báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 564538 cho ông V1 vào ngày 23/8/2024.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là di sản của bố, mẹ chồng bà để lại. Việc Ủy ban nhân dân huyện K và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 đối với thửa đất số 227 là trái pháp luật. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông V1 vào ngày 08/6/1995, đối với thửa đất số 227, diện tích 1.200m^2; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 564538 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1, cấp cho ông V1 vào ngày 23/8/2024, đối với thửa đất số 227, diện tích 567m^2.

Ngày 25/4/2025, bà rút yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông V1 vào ngày 08/6/1995, đối với thửa đất số 227, diện tích 1.200m^2.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là** Ủy ban nhân dân huyện K **trình bày:***

Ngày 08/6/1995, Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937 cho ông Hà Văn V1 đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là do Ủy ban nhân dân xã H, huyện K lập hồ sơ chuyển đến và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho ông V1. Việc bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là** Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ **trình bày:***

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn V1 vào ngày 08/6/1995. Ông V1 đã tách diện tích 633m^2 thuộc thửa đất số 227 thành thửa đất số 311 và chuyển nhượng cho ông Bùi Công K. Phần diện tích còn lại 567m^2 thuộc thửa đất số 227, ông V1 báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện Đ1, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 vào ngày 23/8/2024 theo quy định của pháp luật. Việc bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông** Hà Văn V1 **trình bày:***

Ông là con đẻ của ông Hà Văn C2 và bà Nguyễn Thị M1. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2, tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do ông và bố, mẹ của ông khai hoang vào năm 1976. Tại thời điểm khai hoang, bố và mẹ của ông mất sức lao động, các em ruột của ông còn nhỏ, nên ông là người khai hoang thửa đất số 227. Sau khi bố, mẹ ông chết, ông đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện K, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 08/6/1995. Năm 2006, ông chuyển nhượng cho ông Bùi Công K 633m^2 đất thuộc thửa đất số 227, bà Lê Thị D biết nhưng không phản đối. Diện tích còn lại 567m^2 thuộc thửa đất số 227 do bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/8/2024. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông** Bùi Công K **trình bày:***

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn V1 vào ngày 08/6/1995. Năm 1996, ông V1 chuyển nhượng cho ông 633m^2 đất (nay là thửa đất số 311) thuộc thửa đất số 227 nhưng đến năm 2006 ông V1 mới làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng cho ông thửa đất số 311. Ông xây dựng nhà ở trên thửa đất số 311 từ năm 1996 và sử dụng ổn định. Ngày 25/9/2007, Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với thửa đất số 311. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông** Hà Văn L **trình bày:***

Ông là con đẻ của ông Hà Văn C2 và bà Nguyễn Thị M1. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là di sản của bố, mẹ ông chết để lại. Vì vậy, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà** Hà Thị Phương trình B**:***

Ông là con đẻ của ông Hà Văn C2 và bà Nguyễn Thị M1. Việc bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 564538 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp cho ông Hà Văn V1 vào ngày 23/8/2024 đối với thửa đất số 227, diện tích 567m^2 tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông** Hà Văn Đ**, bà** Hà Thị Quỳnh N1**, bà** Hà Thị Quỳnh O **trình bày:***

Ông và các bà là con đẻ của ông Hà Văn P1 và bà Lê Thị D, ông và các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông** Hà Văn C1 **(là con đẻ của ông** Hà Văn C2 **và bà** Nguyễn Thị M1**):*** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

**** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 564538 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp cho ông Hà Văn V1 vào ngày 23/8/2024, đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 567m^2 tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng Hành chính: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Hà Văn V1 vào

ngày 08/6/1995, đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn V1 kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

**** Tại phiên toà phúc thẩm:***

- Ông Dương Văn N là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo là ông Hà Văn V1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Hà Văn V1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt các đương sự: Tại phiên toà hôm nay, người khởi kiện vắng mặt; người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đây là phiên toà mở lần thứ 3, các đương sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về chủ thể kháng cáo: Ông Hà Văn V1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chủ thể kháng cáo và kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính và được Toà án cấp phúc thẩm đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D và nội dung đơn kháng cáo của ông Hà Văn V1, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 tại thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc được nhà nước giao đất cho vợ chồng ông Hà Văn C2, bà Nguyễn Thị M1 vào năm 1976 để làm nhà ở, đây là tài sản chung của vợ chồng ông C2, bà M1. Bà M1 chết năm 1984 và ông C2 chết năm 1986, không để lại di chúc và để lại di sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227.

[2.2] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 09/5/2025 thể hiện: Năm 1988, ông Hà Văn P1 kết hôn với bà Lê Thị D; ông P1 và bà D xây dựng nhà ở trên thửa đất số 227, từ năm 1988. Ông Hà Văn V1 thừa nhận 02 căn nhà cấp 4 trên đất được xây dựng vào năm 1996 và năm 2001, cùng với tài sản khác gắn liền với đất là tài sản của vợ chồng bà D xây dựng trên đất. Tuy nhiên, ông V1 cho rằng trước thời điểm năm 1988, ông đã xây dựng nhà ở trên đất.

[2.3] Ngày 06/3/1995, ông V1 đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227, nhưng không ghi nguồn gốc của thửa đất. Ngoài ra, ông V1 còn đăng ký, kê khai các thửa đất số 15, 16, 18, tờ bản đồ số 07 và các thửa đất số 126, 129, 182, tờ bản đồ số 08 và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K nhưng thực tế các thửa đất số 15, 16, 18, tờ bản đồ số 07 và các thửa đất số 126, 129, 182, tờ bản đồ số 08 không phải là đất của V1, mà là đất của người khác đang quản lý sử dụng; thửa đất số 227 tại thời điểm năm 1995 do vợ chồng ông P1 bà D đang quản lý sử dụng nhưng Ủy ban nhân dân xã B không kiểm tra hiện trạng sử dụng, mà ghi vào phần xét duyệt đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 đối với 07 thửa đất nêu trên là trái với quy định của pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02 là không đúng đối tượng sử dụng đất, vi phạm khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993.

[2.4] Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227. Năm 2006, ông V1 chuyển nhượng cho ông Bùi Công K 633m^2 đất thuộc thửa đất số 227. Năm 2023, ông V1 báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 227 và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại 567m^2 của thửa đất số 227. Sau khi tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 vào ngày 12/9/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 không tiến hành kiểm tra hồ sơ, không tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, mà căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã B, để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 đối với thửa đất số 227 là không có căn cứ. Bởi lẽ, biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của Uỷ ban nhân xã B không ghi ngày, tháng

kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, chỉ ghi năm 2022. Tại thời điểm năm 2022, gia đình bà Lê Thị D đang quản lý, sử dụng thửa đất số 227, với diện tích 567m^2 nhưng biên bản lại ghi ông V1 đang sử dụng thửa đất số 227. Thực tế, ranh giới thửa đất số 227, liền kề với các thửa đất số 311, 243 và 244 nhưng biên bản lại ghi thửa đất số 227 liền kề với thửa đất 243 và 227. Người sử dụng đất liền kề không ký vào biên bản nhưng biên bản lại ghi người sử dụng đất liền kề đồng ý với ranh giới hiện tại. Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1, đối với thửa đất số 227 với diện tích 567m^2 là vi phạm Điều 77 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.5] Từ các nội dung phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét cấp phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 564538 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1, cấp cho ông Hà Văn V1 vào ngày 23/8/2024 đối với thửa đất số 227, diện tích 567m^2 tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Hà Văn V1 đề nghị Toà án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần bác kháng cáo của ông V1.

[3] Riêng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 910937, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Hà Văn V1 vào ngày 08/6/1995 đối với thửa đất số 227, diện tích 1.200m^2 tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: bà Lê Thị D đã rút yêu cầu khởi kiện này tại giai đoạn sơ thẩm và Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hà Văn V1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Hà Văn V1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, về án phí hành chính sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn V1 và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Hà Văn V1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng